TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/01/2019
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Minh Tân và bà Lê Thị Thảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 333/2018/HNGĐ-ST, ngày 11/12/2018 về "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/01/2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Trúc M, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Số nhà 82, tổ 5, khu p, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tầu. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Châu S, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Số nhà 135, tổ 29, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Ngô Thị Trúc M trình bày: Chị và anh Phan Châu S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/6/2013 tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, tuy nhiên do hoàn cảnh về địa lý chị và anh S sống ở hai miền, khoảng cách địa lý quá xa nên việc sum họp, ổn định

về nơi sống gặp rất nhiều khó khăn, chị và anh S đều không thể giải quyết được vấn đề ổn định nơi sinh sống, vì vậy từ tháng 10 năm 2015 tới nay chị đã chuyển về quê tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sinh sống và làm ăn, còn anh S vẫn ở thành phố T sống và làm việc. Đến nay cả chị và anh S đều xét thấy không thể kéo dài cuộc hôn nhân, nên chị đề nghị Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang giải quyết cho chị và anh S được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Phan Châu S không có con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Phan Châu S không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị và anh Phan Châu S không vay nợ ai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại bản tự khai bị đơn anh Phan Châu S trình bày: Anh và chị Ngô Thị Trúc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/6/2013 tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống trải qua một thời gian vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, tuy nhiên do hoàn cảnh về địa lý hai người ở hai miền, khoảng cách địa lý quá xa nên việc sum họp ổn định về nơi sống gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác do anh và chị M đều có con riêng nên có những điểm bất đồng, có nảy sinh một số mâu thuẫn. Qua một thời gian suy nghĩ, anh và chị M đều không thể giải quyết được vấn đề ổn định nơi sinh sống và làm ăn, con cái, vì vậy từ năm 2015 tới nay chị M đã chuyển về thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sinh sống và làm ăn, còn anh làm việc và sinh sống ở thành phố T. Anh thấy không thể kéo dài cuộc hôn nhân, nên anh đề nghị Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Ngô Thị Trúc M.

Về con chung: Anh và chị Ngô Thị Trúc M không có con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị Ngô Thị Trúc M không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh và chị Ngô Thị Trúc M không vay nợ ai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Nhưng các đương sự đều đề nghị không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Do vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Th- ký Toà án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên toà đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Trúc M, xử cho chị Ngô Thị Trúc M và anh Phan Châu S được ly hôn; Về con chung, tài sản và vay nợ chị M và anh S không có, không yêu cầu, nên không đề nghị xem xét giải quyết. Chị Ngô Thị Trúc M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 11/12/2018 Toà án thụ lý vụ án, sau đó đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự đều đề nghị không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Trúc M và anh Phan Châu S tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/6/2013 tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc, tuy nhiên do khoảng cách về địa lý quá xa chị M ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tầu, anh S ở tỉnh Tuyên Quang, nên việc sum họp gia đình và ổn định về nơi sống, nơi làm việc gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác do chị Mai và anh Sơn đều có con riêng nên có những điểm bất đồng và mâu thuẫn. Chị M và anh S đều không thể giải quyết được vấn đề ổn định nơi sinh sống, công việc làm ăn và vấn đề con cái, vì vậy tháng 10/2015 chị M đã chuyển về thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sinh sống và làm ăn, còn anh S làm việc và sinh sống tại thành phố T từ đó đến nay. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S không còn khả năng hàn gắn và chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế chị M và anh S đã sống ly thân từ tháng 10/2015 đến nay, chị M và anh S đều đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M và anh S được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Ngô Thị Trúc M và anh Phan Châu S không có con chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Ngô Thị Trúc M và anh Phan Châu S không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vay nợ: Chị Ngô Thị Trúc M và anh Phan Châu S không vay nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Chị Ngô Thị Trúc M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Trúc M và anh Phan Châu S ly hôn.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị Trúc M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000175 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang(02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường T;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Mạnh Tuấn